

KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG

**Thực hiện Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22/7/2024 của Chính phủ
ban hành Ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết
số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban chấp hành Trung ương Đảng
(khóa XIII) về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước
đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: /QĐ-BNN-KH ngày / 8 /2024
của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*

Thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 17/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XIII) về tiếp tục đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 (viết tắt là Nghị quyết số 29-NQ/TW), Chính phủ ban hành Nghị quyết số 111/NQ-CP ngày 22/7/2024 về Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW (viết tắt là Nghị quyết số 111/NQ-CP). Nhằm triển khai các Nghị quyết của Đảng, Chính phủ về đẩy mạnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn xây dựng Kế hoạch hành động triển khai thực hiện với các nội dung, nhiệm vụ chủ yếu sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

- Đưa Nghị quyết số 29-NQ/TW và Nghị quyết số 111/NQ-CP vào cuộc sống trong bối cảnh, tình hình mới. Tuyên truyền, quán triệt nội dung cốt lõi của các Nghị quyết trong cán bộ, đảng viên, công chức, viên chức và người lao động Bộ, ngành Nông nghiệp và PTNT.

- Gắn kết và lồng ghép, cụ thể hóa thực hiện các mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ trong Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050; trong đó các chỉ tiêu, nhiệm vụ, giải pháp đáp ứng yêu cầu và mục tiêu phát triển của đất nước, của Bộ, ngành và phù hợp với tình hình trong nước và quốc tế.

- Kế hoạch hành động là căn cứ, cơ sở để các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT và các Sở Nông nghiệp và PTNT xây dựng Chương trình, Kế hoạch thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ được giao; đồng thời tổ chức triển khai nhằm góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu, nhiệm vụ Chiến lược phát triển nông nghiệp và nông thôn bền vững giai đoạn 2021 - 2030; Chiến lược phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông lâm thủy sản đến năm 2030.

- Quá trình thực hiện phải định kỳ sơ kết, tổng kết; đôn đốc, kiểm tra, giám sát, cập nhật nhiệm vụ mới đáp ứng yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn; đề cao

tinh thần chủ động, quyết tâm, đổi mới sáng tạo, bảo đảm chất lượng, hiệu quả.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Sản xuất nông lâm thủy sản (nông sản) cơ bản được cơ giới hóa, trong đó các vùng sản xuất hàng hóa tập trung được cơ giới hóa đồng bộ; ứng dụng công nghệ hiện đại, thông minh, phát triển bền vững nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả kinh tế, xã hội và bảo vệ môi trường. Phát triển chế biến nông sản hiện đại, hiệu quả và bền vững, đáp ứng được nhu cầu, quy định của thị trường tiêu thụ; nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập sâu rộng vào thị trường toàn cầu; phấn đấu đưa Việt Nam trở thành trung tâm chế biến nông sản và đứng trong top 10 nước hàng đầu thế giới vào năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Phát triển cơ giới hóa nông sản

- Cơ giới hóa các khâu sản xuất cây trồng chủ lực đạt bình quân trên 90% vào năm 2025, cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 70% vào năm 2030.

- Cơ giới hóa các khâu sản xuất chăn nuôi gia súc, gia cầm đạt trung bình trên 80% vào năm 2025, cơ giới hóa đồng bộ đạt trên 60% vào năm 2030.

- Cơ giới hóa các khâu sản xuất thủy sản đối với nuôi trồng đạt trên 70%; đánh bắt, bảo quản trên tàu cá đạt trên 85%.

- Cơ giới hóa các hoạt động lâm nghiệp đối với sản xuất giống, trồng cây, khai thác và vận chuyển đạt trên 70%.

- Cơ giới hóa các hoạt động diêm nghiệp đối với sản xuất cấp nước, tiêu nước, gom muối trên đồng và thu hoạch, vận chuyển muối đạt trên 70%.

b) Phát triển chế biến, bảo quản nông sản

- Tốc độ tăng giá trị gia tăng công nghiệp chế biến nông sản đạt trên 8,0%/năm vào năm 2025 và 10,0%/năm vào năm 2030.

- Trên 70% số cơ sở chế biến, bảo quản nông sản chủ lực đạt trình độ và năng lực công nghệ trung bình tiên tiến trở lên vào năm 2030.

- Tồn thất sau thu hoạch các mặt hàng nông sản chủ lực giảm 0,5 % đến 1,0 %/năm.

- Tỷ trọng giá trị xuất khẩu nông sản chủ lực là sản phẩm chế biến đạt 60%.

- Hình thành một số tập đoàn, doanh nghiệp chế biến nông sản hiện đại, có tiềm lực kinh tế và trình độ quản lý ngang tầm thế giới; các cụm công nghiệp chế biến nông sản gắn với phát triển các vùng sản xuất nguyên liệu tập trung được cơ giới hóa đồng bộ và kết nối tiêu thụ nông sản.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Xây dựng và hoàn thiện cơ chế, chính sách đẩy nhanh công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

- Xây dựng, hoàn thiện và áp dụng hệ thống tiêu chuẩn quốc gia, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về máy móc, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp, năng lực chế biến và sản phẩm nông sản chế biến; hệ thống tiêu chuẩn quốc gia về truy xuất nguồn gốc cho các ngành hàng nông sản. Cập nhật, hài hòa với tiêu chuẩn quốc tế chung, các tiêu chuẩn khu vực và tiêu chuẩn của các thị trường lớn.

- Xây dựng, hoàn thiện chính sách khuyến khích phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp để hỗ trợ tổ chức, cá nhân đầu tư phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong sản xuất, chế biến; khuyến khích đổi mới, sáng tạo và ứng dụng khoa học công nghệ, chế biến sâu, phát triển sản phẩm, thương hiệu và thị trường; nâng cao chất lượng nguồn nhân lực quản lý và lao động trực tiếp trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản. Đổi mới cơ chế, chính sách khuyến khích doanh nghiệp đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn; trong đó thúc đẩy chế biến nông sản và cơ giới hóa nông nghiệp. Qua đó, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng tăng nhanh tỷ trọng giá trị sản phẩm và lao động các ngành công nghiệp và dịch vụ, tổ chức lại sản xuất theo chuỗi giá trị, phát triển các cụm liên kết sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản.

- Rà soát, hoàn thiện chính sách ưu đãi về thuế đối với máy móc thiết bị phục vụ sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản; đổi mới chính sách tín dụng phục vụ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

- Hoàn thiện chính sách thương mại nông sản; ưu tiên xây dựng thương hiệu quốc gia cho các sản phẩm nông sản chủ lực gắn liền với Chương trình Thương hiệu quốc gia Việt Nam và Thương hiệu ngành thực phẩm Việt Nam. Đẩy mạnh quảng bá thương hiệu và giải quyết các tranh chấp thương mại, tháo gỡ rào cản của các thị trường nhập khẩu nông sản Việt Nam.

- Tăng cường áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng tiên tiến vào sản xuất trong các cơ sở chế biến nông sản bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm; nâng cao năng lực công tác quản lý nhà nước về chất lượng máy móc, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp.

- Thực hiện chính sách, phát luật khuyến khích tích tụ, tập trung đất đai tạo điều kiện phát triển cơ giới hóa đồng bộ trong nông nghiệp; sản xuất nguyên liệu cho chế biến nông sản; ưu tiên giao đất, thuê đất với chính sách ưu đãi cho cơ sở chế biến công nghiệp, chợ đầu mối, trung tâm đầu giá nông sản.

2. Đẩy nhanh quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

a) Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ phục vụ sản xuất nông nghiệp

- Ưu tiên đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng nông nghiệp, nông thôn, hạ tầng kết nối nông thôn với đô thị; nhất là hạ tầng thủy lợi, giao thông

vận tải, hạ tầng thương mại, kho bãi, bảo quản sau thu hoạch, kho lạnh, kho chứa lương thực, thực phẩm; xây dựng hạ tầng số và dữ liệu số nông nghiệp, nông thôn; phát triển sàn giao dịch các nông sản chủ lực, xây dựng các trung tâm hậu cần biên mậu.

- Phát triển hệ thống hạ tầng phục vụ chuyển đổi nông nghiệp, kết nối không gian phát triển giữa các vùng, địa phương để thúc đẩy liên kết theo chuỗi giá trị. Phát triển thủy lợi đa mục tiêu, ưu tiên các công trình thủy lợi phục vụ phát triển trái cây, nuôi trồng thủy sản, cây trồng cạn. Phát triển cảng cá kết hợp với khu neo đậu, tránh trú bão cho tàu cá. Ứng dụng công nghệ tiên tiến, tưới tiết kiệm nước, cấp nước sinh hoạt, tái sử dụng nước và tiêu, thoát nước.

- Đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất đáp ứng cơ giới hóa đồng bộ phù hợp với điều kiện từng vùng, ngành hàng; áp dụng cơ giới hóa, tự động hóa đồng bộ từ sản xuất đến thu hoạch, bảo quản, chế biến theo chuỗi giá trị và tập trung vào nhóm sản phẩm chủ lực.

- Đầu tư phát triển các vùng sản xuất nông nghiệp tập trung theo định hướng phát triển các nhóm sản phẩm đồng bộ theo chuỗi liên kết, phù hợp với lợi thế của địa phương, vùng, miền, đảm bảo cung cấp đủ nguồn nguyên liệu và kết nối với khu chế biến nông sản và dịch vụ thương mại nông nghiệp; gắn kết chặt chẽ với công nghiệp chế biến, bảo quản và thị trường tiêu thụ trong nước và xuất khẩu. Đẩy mạnh hợp tác, liên kết sản xuất, chế biến, tiêu thụ nông sản, trong đó doanh nghiệp giữ vai trò là “trụ cột” của chuỗi giá trị.

- Phát triển hạ tầng thương mại hiện đại như: chợ đầu mối, trung tâm cung ứng nông sản, sàn giao dịch nông sản, thương mại điện tử; hệ thống logistics kết nối giữa sản xuất, chế biến và tiêu thụ nông sản.

b) Phát triển công nghiệp chế tạo máy móc, thiết bị, công nghệ; công nghiệp hỗ trợ cho cơ giới hóa nông nghiệp, chế biến nông sản

- Thúc đẩy cơ giới hóa đồng bộ, hiện đại hóa toàn bộ chuỗi giá trị sản phẩm. Phát triển công nghiệp chế tạo máy, thiết bị, công nghệ trong nông nghiệp; gia tăng công nghiệp hỗ trợ phục vụ nâng cao tỷ lệ cơ giới hóa sản xuất nông nghiệp, chế biến nông sản. Khuyến khích đầu tư công nghệ chế tạo máy nông nghiệp và công nghệ chế biến, bảo quản nông sản; ưu tiên các công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện với môi trường.

- Xây dựng, phát triển thương hiệu cho máy móc, thiết bị nông nghiệp và các sản phẩm nông sản chế biến.

c) Nâng cao năng lực chế biến nông sản

- Đổi mới thiết bị, công nghệ, đầu tư, nâng cấp các nhà máy chế biến nông sản để tăng năng suất, giảm chi phí sản xuất, bảo vệ môi trường. Đẩy mạnh ứng dụng chương trình quản lý chất lượng, công nghệ thông tin. Phát triển các sản phẩm mới, sản phẩm giá trị cao, sản phẩm từ nguyên liệu phụ phẩm nông nghiệp.

- Bảo đảm chất lượng, an toàn thực phẩm và bảo vệ môi trường đáp ứng các tiêu chuẩn, quy chuẩn, quy định trong nước và quốc tế về chất lượng, an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc, trách nhiệm xã hội và phát triển bền vững.

- Nâng cao tỷ trọng sản phẩm chế biến có chất lượng, sức cạnh tranh cao các sản phẩm chủ lực phục vụ tiêu thụ trong nước và xuất khẩu; chuyển dịch hợp lý cơ cấu sản phẩm theo hướng nâng cao tỷ trọng các sản phẩm chế biến sâu, có giá trị gia tăng cao. Đồng thời đẩy mạnh xây dựng các mô hình phát triển sản phẩm đặc sản, truyền thống làng nghề theo chuỗi liên kết, gắn với hoàn thiện công nghệ, nâng cấp chất lượng, an toàn thực phẩm, cải tiến mẫu mã sản phẩm, thực hiện đăng ký nhãn hiệu gắn với chỉ dẫn địa lý.

- Hình thành các cụm, khu công nghiệp, dịch vụ hỗ trợ phát triển sản xuất, kinh doanh nông nghiệp tại một số vùng sản xuất nông nghiệp tập trung. Khuyến khích phát triển công nghiệp cơ khí, hóa chất và công nghệ sinh học phục vụ sản xuất nông nghiệp và chế biến nông sản.

- Hình thành một số tập đoàn, khu công nghiệp chế biến nông sản lớn gắn với vùng nguyên liệu. Tổ chức xây dựng hệ thống logistics kết nối chặt chẽ giữa người sản xuất, thu gom, chế biến với nhà phân phối và tiêu thụ sản phẩm.

3. Thúc đẩy phát triển khoa học - công nghệ, chuyển đổi số, đổi mới sáng tạo và phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn

a) Nâng cao trình độ nghiên cứu, ứng dụng tiên bộ kỹ thuật, công nghệ

- Nghiên cứu, ứng dụng và chuyển giao tiến bộ khoa học công nghệ phục vụ phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản. Triển khai Chương trình khoa học và công nghệ quốc gia đến năm 2030 đối với lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản và cơ giới hóa trong nông nghiệp.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, tự động hóa vào cơ giới hóa nông nghiệp và công nghiệp chế biến nông sản, liên kết với nguồn cung cấp nguyên liệu và tiêu thụ; quản lý, truy xuất nguồn gốc nông sản, có kết nối, trao đổi với công thông tin truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hóa quốc gia.

- Đẩy mạnh xã hội hóa nghiên cứu khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật phát triển cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản; ưu tiên công nghệ tiên tiến, công nghệ sạch thân thiện với môi trường; hình thành và phát triển các cơ sở ươm tạo khoa học công nghệ, trung tâm nghiên cứu - đào tạo - chuyển giao công nghệ cao trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến, bảo quản nông sản tại các vùng sản xuất nông nghiệp trọng điểm.

- Phát triển thị trường khoa học và công nghệ, hệ sinh thái khởi nghiệp sáng tạo, các nhóm nghiên cứu trẻ tiềm năng, các doanh nghiệp khởi nghiệp đổi mới sáng tạo trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

b) Xây dựng cơ sở dữ liệu cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản

- Đẩy nhanh xây dựng hệ thống dữ liệu số lĩnh vực nông nghiệp, nông

thôn; thúc đẩy chuyển đổi số toàn diện, thực chất; nâng cấp, hiện đại hóa và phát triển sàn giao dịch cho các nông sản chủ lực. Phát triển hệ thống dịch vụ logistics nâng cao chất lượng và năng lực cạnh tranh của nông sản Việt Nam đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản. Xây dựng hệ thống, cập nhật thông tin về cơ giới hóa và chế biến nông sản; định kỳ tổ chức điều tra đánh giá trình độ, năng lực công nghệ chế biến, bảo quản nông sản; hoạt động cơ giới hóa nông nghiệp tại từng địa phương, cả nước.

- Thực hiện hiệu quả Chương trình chuyển đổi số trong xây dựng nông thôn mới, hướng tới nông thôn mới thông minh giai đoạn 2021 - 2025 và Chương trình khoa học và công nghệ phục vụ xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021 - 2025. Nghiên cứu, điều chỉnh tiêu chí nông thôn mới, nông thôn mới nâng cao, nông thôn mới kiểu mẫu tiệm cận với tiêu chí đô thị.

c) Đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực

- Xây dựng và triển khai các chương trình đào tạo chuyên ngành cơ khí nông nghiệp và chế biến nông sản (Cơ khí nông nghiệp, cơ khí thực phẩm, công nghệ sau thu hoạch, công nghệ thực phẩm...), gắn kết giữa đào tạo với nhu cầu của thị trường lao động; khuyến khích theo học các ngành, nghề liên quan đến cơ khí chế tạo, bảo quản và chế biến nông sản.

- Ưu tiên đưa ngành học về cơ khí nông nghiệp và chế biến nông sản vào các chương trình liên kết, trao đổi sinh viên với các trường, các tổ chức nghiên cứu nước ngoài để nâng cao hiệu quả đào tạo nghề.

- Ưu tiên nội dung đào tạo, tập huấn thường xuyên trong các chương trình khuyến nông, khuyến công cho doanh nghiệp, hợp tác xã, nông dân về ứng dụng công nghệ mới, tiên tiến trong cơ giới nông nghiệp và chế biến nông sản.

- Từng bước chuẩn hóa đội ngũ lao động điều khiển máy móc, thiết bị nông nghiệp và chế biến nông sản theo hướng đào tạo có chứng chỉ, bằng cấp đảm bảo nâng cao trình độ vận hành công nghệ tiên tiến, hiện đại và năng lực áp dụng các quy trình, biện pháp an toàn lao động; tăng cường huấn luyện an toàn lao động trong các tổ chức sử dụng lao động, hợp tác xã và doanh nghiệp.

- Nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ quản lý trong lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản về khoa học công nghệ, kỹ năng thương mại, phát triển thị trường. Khuyến khích các doanh nghiệp đào tạo nâng cao trình độ đội ngũ cán bộ kỹ thuật, công nhân lành nghề đáp ứng yêu cầu vận hành công nghệ tiên tiến, hiện đại.

4. Mở rộng thương mại thiết bị, công nghệ cho nông nghiệp; hợp tác và hội nhập kinh tế quốc tế

- Đẩy mạnh xúc tiến thương mại đối với máy móc, thiết bị, công nghệ nông nghiệp, chế biến nông sản được sản xuất trong nước; chuyển giao, ứng dụng khoa học công nghệ; giới thiệu các tiến bộ khoa học, máy móc mới vào phục vụ sản xuất và chế biến nông sản. Đẩy mạnh các hoạt động hợp tác quốc tế

trao đổi kinh nghiệm và triển khai các dự án hợp tác phát triển về lĩnh vực cơ giới hóa nông nghiệp và chế biến nông sản.

- Tăng cường năng lực nghiên cứu, dự báo và thông tin thị trường; cập nhật thông tin về chính sách thương mại, tiêu chuẩn chất lượng, thị hiếu tiêu dùng của từng thị trường để xây dựng chiến lược, đề án phát triển thị trường cho các sản phẩm nông sản chủ lực qua chế biến.

- Triển khai thực hiện các nội dung thỏa thuận về lĩnh vực nông nghiệp của các Hiệp định thương mại tự do mà Việt Nam đã ký kết. Tăng cường áp dụng quy trình công nghệ, hệ thống quản trị tiên tiến và hiện đại của thế giới nhằm đổi mới và nâng cao trình độ công nghệ và năng lực trong cơ giới hóa và chế biến nông sản trong nước.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT; Giám đốc các Sở Nông nghiệp và PTNT, căn cứ vào Kế hoạch hành động này để xây dựng, trình phê duyệt Chương trình, Kế hoạch cụ thể và triển khai thực hiện.

2. Định kỳ hàng năm (trước ngày 20/12) các cơ quan, đơn vị thuộc Bộ Nông nghiệp và PTNT, các Sở Nông nghiệp và PTNT rà soát, báo cáo Bộ (qua Vụ Kế hoạch) kết quả thực hiện trong đó nêu rõ: Việc đã hoàn thành, việc chưa hoàn thành và nguyên nhân. Báo cáo cập nhật trên CSDL <https://giamsatdanhgia.mard.gov.vn>).

3. Giao Vụ Kế hoạch, Cục Chất lượng, Chế biến và Phát triển thị trường, Cục Kinh tế hợp tác và Phát triển nông thôn đồng chủ trì, phối hợp với Văn phòng Bộ và các đơn vị có liên quan thường xuyên theo dõi và báo cáo kết quả thực hiện của các cơ quan, đơn vị.

(Chi tiết các nhiệm vụ chủ yếu tại Phụ lục kèm theo)